

Số: 285/2025/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Merufa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)****Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Merufa tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**KT TỔNG GIÁM ĐỐC****Lục Thị Vân****Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1**Lê Việt Hà****Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
4732-2024-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>TM</b>	<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>55.065.311.859</b>	<b>76.901.363.196</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.456.919.380</b>	<b>3.700.409.213</b>
1. Tiền	111	4.1	5.456.919.380	3.700.409.213
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.238.575.536</b>	<b>36.101.108.326</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	24.399.681.792	28.207.199.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	6.654.884.735	8.953.504.251
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	15.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	455.950.817	587.116.859
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(4.271.941.808)	(1.673.974.662)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	12.262.026
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>21.491.880.568</b>	<b>35.671.528.788</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.822.791.351	44.054.886.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(330.910.783)	(8.383.357.972)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>877.936.375</b>	<b>1.428.316.869</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	367.248.939	106.276.533
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	510.209.497	1.322.040.336
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	477.939	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>31.825.333.365</b>	<b>38.362.534.201</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>26.000.000</b>	<b>38.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		17.000.000	29.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	9.000.000	9.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.964.666.999</b>	<b>35.633.643.626</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	21.202.198.207	20.360.584.959
Nguyên giá	222		90.139.423.474	80.426.596.457
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.937.225.267)	(60.066.011.498)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	6.121.146.507
Nguyên giá	225		-	8.774.339.702
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(2.653.193.195)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	8.762.468.792	9.151.912.160
Nguyên giá	228		13.268.647.658	13.268.647.658
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.506.178.866)	(4.116.735.498)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>66.212.511</b>	<b>216.663.585</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		66.212.511	216.663.585
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>196.800.000</b>	<b>196.800.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	196.800.000	196.800.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.571.653.855</b>	<b>2.277.426.990</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	1.571.653.855	2.277.426.990
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>86.890.645.224</b>	<b>115.263.897.397</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.722.422.786</b>	<b>28.694.624.764</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.710.422.786</b>	<b>28.682.624.764</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	2.930.300.119	2.931.763.851
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	1.744.442.773	1.399.887.573
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	223.567.054	628.378.562
4. Phải trả người lao động	314	4.14	2.566.914.856	3.210.852.410
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	1.001.882.727	2.262.426.414
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		26.400.000	395.820.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	2.012.781.226	1.309.910.323
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	13.691.186.283
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.17	2.204.134.031	2.852.399.348
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	12.000.000	12.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>74.168.222.438</b>	<b>86.569.272.633</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.18	<b>74.133.889.649</b>	<b>86.534.939.844</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		67.961.720.000	67.961.720.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		67.961.720.000	67.961.720.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(38.000.000)	(38.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.832.981.790	10.832.981.790
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.300.375.160	1.177.639.355
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.923.187.301)	6.600.598.699
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		1.195.467.094	1.192.874.515
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(7.118.654.395)	5.407.724.184
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>34.332.789</b>	<b>34.332.789</b>
1. Nguồn kinh phí	431		34.332.789	34.332.789
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>86.890.645.224</b>	<b>115.263.897.397</b>

Nguyễn Kinh Thành  
Tổng Giám đốcVõ Đông Giang  
Kế toán trưởngNguyễn Thị Hằng  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	139.763.836.407	139.476.627.254
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		106.053.334	23.982.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		139.657.783.073	139.452.645.254
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	129.866.747.108	114.077.906.435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.791.035.965	25.374.738.819
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		35.796.256	5.060.010
7. Chi phí tài chính	22		643.022.783	1.999.053.827
Trong đó, chi phí lãi vay	23		642.110.618	1.985.426.427
8. Chi phí bán hàng	25	5.3	4.639.747.163	5.857.399.473
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	11.509.060.591	9.597.058.602
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.964.998.316)	7.926.286.927
11. Thu nhập khác	31		375.266.488	113.579.509
12. Chi phí khác	32		528.922.567	1.022.692.176
13. Lợi nhuận khác	40		(153.656.079)	(909.112.667)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.118.654.395)	7.017.174.260
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	-	1.609.450.076
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.118.654.395)	5.407.724.184
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.4	(1.048)	796
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.4	(1.048)	796

Nguyễn Kinh Thành  
Tổng Giám đốcVõ Đông Giang  
Kế toán trưởngNguyễn Thị Hằng  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	4.13	149.882.045.994	153.922.067.310
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(98.940.689.499)	(94.064.176.507)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(22.538.270.059)	(22.866.568.434)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(654.337.093)	(2.005.949.539)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(537.328.015)	(1.671.460.840)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.537.199.202	257.980.380
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.210.496.227)	(7.013.222.878)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>20.538.124.303</b>	<b>26.558.669.492</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(773.401.115)	(1.235.464.547)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		57.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(101.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.000.000	72.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.584.653	3.865.161
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(684.543.735)</b>	<b>(1.260.599.386)</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN MERUFA**

Địa chỉ: 38 Trương Quốc Dung, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	50.560.832.549	84.497.591.175
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(62.321.664.097)	(101.625.370.970)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.930.354.735)	(2.105.841.528)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.409.386.745)	(10.958.555.176)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(18.100.573.028)</b>	<b>(30.192.176.499)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.753.007.540</b>	<b>(4.894.106.393)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.700.409.213	8.593.320.757
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.502.627	1.194.849
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>5.456.919.380</b>	<b>3.700.409.213</b>

Nguyễn Kinh Thành  
Tổng Giám đốcVõ Đông Giang  
Kê toán trưởngNguyễn Thị Hằng  
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025